

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định chi tiết nội dung chi và mức chi
của Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Hà Nam**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013; Luật sửa
đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật đề điều ngày
17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của
Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên
tai và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật
Đê điều;

Căn cứ Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của
Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai;

Theo đề nghị của Cơ quan quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Hà Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chi tiết nội dung chi
và mức chi của Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Hà Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2024.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc, Thủ trưởng
các Sở, ban, ngành, đoàn thể trong tỉnh; Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ,
Trưởng Ban Kiểm soát Quỹ, Giám đốc cơ quan quản lý Quỹ; Chủ tịch Ủy ban
nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã,
phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan có liên quan và các tổ chức, cá nhân
liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Ban Chỉ đạo Quốc gia về PCTT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- TT TU, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Vượng

QUY ĐỊNH

Chi tiết nội dung chi và mức chi của Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Hà Nam

(Kèm theo Quyết định số /2024/QĐ-UBND ngày tháng năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam)

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định nội dung chi, mức chi Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Hà Nam (sau đây viết tắt là Quỹ) cho công tác hỗ trợ các hoạt động phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài liên quan đến hoạt động phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

Điều 2. Nguyên tắc chi Quỹ

1. Hỗ trợ các hoạt động phòng, chống thiên tai mà ngân sách nhà nước chưa đầu tư hoặc chưa đáp ứng yêu cầu.

2. Việc chi Quỹ phải đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả, đúng mức hỗ trợ và đúng đối tượng.

3. Thực hiện chi hỗ trợ cho các đối tượng chưa được nhận hỗ trợ theo các quy định hiện hành khác của Nhà nước có cùng nội dung hỗ trợ. Trong trường hợp cùng một nội dung có nhiều cơ chế, chính sách hỗ trợ thì áp dụng chính sách có mức chi hỗ trợ cao nhất.

CHƯƠNG II

NỘI DUNG CHI, MỨC CHI, THẨM QUYỀN CHI VÀ TRÌNH TỰ THỦ TỤC THANH QUYẾT TOÁN

Điều 3. Nội dung chi và mức chi

Chi hỗ trợ cho các hoạt động phòng, chống thiên tai, ưu tiên các hoạt động sau đây:

1. Hỗ trợ các hoạt động ứng phó thiên tai: Sơ tán dân khỏi nơi nguy hiểm; chăm sóc y tế, thực phẩm, nước uống cho người dân nơi sơ tán; tuần tra, kiểm

tra phát hiện khu vực có nguy cơ xảy ra rủi ro thiên tai, sự cố công trình phòng, chống thiên tai; hỗ trợ cho lực lượng được huy động tham gia ứng phó thiên tai; hỗ trợ cho lực lượng thường trực trực ban, chỉ huy, chỉ đạo ứng phó thiên tai.

2. Cứu trợ, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai: Cứu trợ khẩn cấp về lương thực, nước uống, thuốc chữa bệnh, sách vở, phương tiện học tập và các nhu cầu cấp thiết khác cho đối tượng bị thiệt hại do thiên tai; hỗ trợ tu sửa nhà ở, cơ sở y tế, trường học, xử lý vệ sinh môi trường vùng thiên tai, tu sửa nhà kết hợp làm địa điểm sơ tán phòng tránh thiên tai; hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai; tháo bỏ hạng mục, vật cản gây nguy cơ rủi ro thiên tai; hỗ trợ xử lý đảm bảo giao thông thông suốt cho những đoạn tuyến giao thông đường bộ, đường sắt quan trọng trên địa bàn bị sụt trượt, sạt lở; hỗ trợ kinh phí tu sửa, xử lý và xây dựng khẩn cấp công trình phòng, chống thiên tai.

3. Hỗ trợ các hoạt động phòng ngừa: Thông tin, truyền thông và giáo dục về phòng, chống thiên tai; lập, rà soát kế hoạch phòng, chống thiên tai và phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai; hỗ trợ sắp xếp, di chuyển dân cư ra khỏi vùng thiên tai, nguy hiểm; phổ biến, tuyên truyền, giáo dục, tổ chức tập huấn, nâng cao nhận thức cho các lực lượng tham gia công tác phòng, chống thiên tai các cấp ở địa phương và cộng đồng; diễn tập phòng, chống thiên tai ở các cấp; mua bảo hiểm rủi ro thiên tai cho đối tượng tham gia lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã; tập huấn và duy trì hoạt động cho các đối tượng tham gia hộ đê, lực lượng quản lý đê nhân dân, lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã, tình nguyện viên phòng, chống thiên tai; hỗ trợ xây dựng công cụ, phần mềm, quan trắc, thông tin, dự báo, cảnh báo thiên tai tại cộng đồng; mua sắm, đầu tư phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác phòng, chống thiên tai theo quy định.

(Chi tiết mức chi theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này).

Điều 4. Phân bổ Quỹ đối với cấp huyện, cấp xã

Căn cứ số thu thực tế trên địa bàn mỗi cấp. Việc phân bổ Quỹ cho Ủy ban nhân dân thành phố, thị xã, huyện (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện), Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã) như sau:

1. Ủy ban nhân dân cấp xã được giữ lại 28% số thu thực tế trên địa bàn để thực hiện chi hỗ trợ cho các nội dung:

a) Hỗ trợ chi thù lao cho lực lượng trực tiếp thu quỹ không quá 5%.

b) Chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu quỹ không quá 3%.

c) Chi thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai theo Điều 3 Quy định này tại cấp xã không quá 20%.

Số tiền thu Quỹ còn lại (72% số thu trên địa bàn) nộp vào tài khoản Quỹ ở cấp huyện do Ủy ban nhân dân tỉnh uỷ quyền.

Nội dung chi và mức chi cụ thể tại điểm a, b khoản này do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định theo quy định của pháp luật và các chế độ, chính

sách hiện hành, nhưng phải được công khai, minh bạch.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện được giữ lại 23% số thu thực tế trên địa bàn (bao gồm cả số thu của cấp xã sau khi trừ đi khoản giữ lại ở cấp xã) để thực hiện chi hỗ trợ cho các nội dung:

a) Chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu quỹ không quá 3%.

b) Chi thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai theo Điều 3 Quy định này tại cấp huyện không quá 20%.

Số tiền thu Quỹ còn lại (77% số thu trên địa bàn) nộp vào tài khoản Quỹ cấp tỉnh.

Nội dung chi và mức chi cụ thể tại điểm a khoản này do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định theo quy định của pháp luật và các chế độ, chính sách hiện hành, nhưng phải được công khai, minh bạch.

3. Sau khi các cấp có báo cáo quyết toán kinh phí, Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện thu hồi khoản phân bổ nếu còn dư hoặc quyết định phân bổ khi nguồn kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai tại cấp huyện, xã đã sử dụng hết.

Điều 5. Nội dung Chi quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh

Chi phí quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ cấp tỉnh không vượt quá 3% tổng số thu của Quỹ cấp tỉnh (bao gồm cả số thu của cấp huyện, xã).

Điều 6. Thẩm quyền chi

Căn cứ vào nhu cầu thực tế, khả năng tài chính của Quỹ và nội dung chi, mức chi tại Quy định này:

1. Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh có trách nhiệm tổng hợp thiệt hại và nhu cầu hỗ trợ của Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan, tổ chức liên quan; tổ chức kiểm tra, rà soát và đề xuất trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

2. Đối với phần Quỹ phân bổ cho cấp huyện, xã quy định tại khoản 1, 2 Điều 4: Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cùng cấp có trách nhiệm tổng hợp thiệt hại và nhu cầu hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân liên quan; tổ chức kiểm tra, rà soát và đề xuất trình Chủ tịch UBND cùng cấp quyết định theo đúng quy định và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh.

3. Thực hiện việc điều chuyển cho Quỹ trung ương theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ hoặc cho các Quỹ cấp tỉnh của địa phương khác theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 7. Trình tự, thủ tục chi

1. Các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh lập hồ sơ kèm theo tờ trình đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh hỗ trợ thông qua Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh.

2. Trường hợp UBND cấp huyện đã sử dụng ngân sách địa phương và nguồn quỹ Phòng, chống thiên tai được giữ lại tại địa phương nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu, UBND cấp huyện lập hồ sơ kèm theo tờ trình đề nghị UBND tỉnh hỗ trợ qua Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh.

3. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ gồm:

a) Đối với cơ quan, đơn vị cấp tỉnh: Văn bản báo cáo kết quả tổng hợp thiệt hại, đề xuất nhu cầu hỗ trợ của cơ quan, đơn vị kèm theo biên bản đánh giá, xác nhận (nếu có) của các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền liên quan.

b) Đối với UBND cấp huyện:

- Văn bản báo cáo kết quả tổng hợp thiệt hại, đề xuất nhu cầu hỗ trợ của địa phương kèm theo biên bản đánh giá, xác nhận của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền liên quan (Công tác thống kê, đánh giá thiệt hại thực hiện theo Thông tư liên tịch số 43/2015/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT ngày 23/11/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra và các văn bản quy định của pháp luật liên quan).

- Báo cáo khả năng tự cân đối nguồn lực của đơn vị, địa phương và Quỹ Phòng, chống thiên tai được giữ lại tại địa phương.

c) Các cơ quan, đơn vị, UBND cấp huyện chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

3. Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh có trách nhiệm tổng hợp thiệt hại và nhu cầu hỗ trợ của UBND cấp huyện và các cơ quan, tổ chức liên quan; tổ chức kiểm tra, rà soát, lấy ý kiến của Sở Tài chính (đối với những nội dung có tính chất chi thường xuyên), Sở Kế hoạch và Đầu tư (đối với những nội dung có tính chất tu sửa, xử lý công trình và xây dựng khẩn cấp công trình phòng, chống thiên tai) và đề xuất trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

Điều 8. Hồ sơ thanh quyết toán kinh phí

1. Đối với phần Quỹ phân bổ hằng năm cho cấp huyện, xã:

a) UBND cấp xã chịu trách nhiệm lập hồ sơ quyết toán kết quả chi Quỹ trên địa bàn (bao gồm phần hỗ trợ chi thù lao cho lực lượng trực tiếp thu, chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu Quỹ), gửi báo cáo về UBND cấp huyện trước ngày 31/01 năm sau để thẩm định theo quy định.

b) UBND cấp huyện có trách nhiệm thẩm định báo cáo quyết toán chi của UBND cấp xã và lập báo cáo quyết toán kết quả chi Quỹ trên địa bàn cấp huyện (bao gồm phần hỗ trợ chi thù lao cho lực lượng trực tiếp thu, chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu quỹ), gửi về Cơ quan quản lý Quỹ tỉnh trước ngày 28/02 năm sau để tổng hợp.

c) Hồ sơ thanh quyết toán kinh phí phải đầy đủ tính pháp lý theo đúng quy định.

2. Đối với phần Quỹ do tỉnh quản lý:

a) Các cơ quan, đơn vị, địa phương được hỗ trợ kinh phí chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng và thanh quyết toán nguồn kinh phí theo đúng quy định hiện hành; đồng thời gửi báo cáo quyết toán về Cơ quan quản lý Quỹ tổng hợp.

b) Yêu cầu về hồ sơ thanh quyết toán: Các cơ quan, đơn vị, địa phương phải gửi Cơ quan quản lý Quỹ 02 bộ hồ sơ thanh quyết toán. Hồ sơ thanh quyết toán kinh phí phải đầy đủ tính pháp lý theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

c) Thời hạn thanh quyết toán kinh phí: Các nội dung, công việc đã hoàn thành phải thực hiện thanh quyết toán ngay trong năm được cấp kinh phí và gửi hồ sơ thanh quyết toán về Cơ quan quản lý Quỹ trước 28/02 năm sau.

d) Đối với các nội dung, công việc chưa kịp hoàn thành trong năm do nguyên nhân khách quan được chuyển sang năm sau để tiếp tục thực hiện.

e) Số kinh phí còn dư của các nhiệm vụ đã thực hiện xong, các đơn vị có công văn đề nghị cơ quan quản lý Quỹ hướng dẫn làm thủ tục trả lại tài khoản Quỹ.

3. Cơ quan quản lý Quỹ cấp tỉnh có trách nhiệm báo cáo quyết toán gửi Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong quý I năm sau.

CHƯƠNG III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh (Cơ quan thường trực phòng, chống thiên tai của Ban chỉ huy - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

a) Tổng hợp thiệt hại và nhu cầu hỗ trợ của Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan, tổ chức liên quan; tổ chức kiểm tra, rà soát và đề xuất trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định chi từ nguồn Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh theo Quy định này. Trường hợp nguồn Quỹ không đủ, báo cáo UBND tỉnh xem xét quyết định.

b) Xây dựng Kế hoạch chi Quỹ hàng năm trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

2. Sở Tài chính

a) Thẩm định báo cáo quyết toán Quỹ phòng chống thiên tai cấp tỉnh, báo cáo UBND tỉnh theo quy định hiện hành.

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn và các cơ quan có liên quan trong việc kiểm tra, giám sát về tình hình quản lý và sử dụng quỹ.

3. Cơ quan quản lý Quỹ

a) Báo cáo kết quả thu, chi quỹ với Cơ quan quản lý Quỹ trung ương trước ngày 25 hàng tháng.

b) Hướng dẫn, đôn đốc, tổng hợp, kiểm tra báo cáo quyết toán của các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân cấp huyện; lập báo cáo quyết toán gửi Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định.

c) Lập dự toán chi phí quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ theo quy định.

d) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh về thanh tra thường xuyên và đột xuất việc chấp hành công tác xây dựng kế hoạch thu, chi và quản lý sử dụng Quỹ tại các địa phương, đơn vị theo đúng quy định.

e) Công khai kết quả thu, chi, báo cáo quyết toán thu, chi theo đúng quy định.

4. Các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh

a) Theo chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức thực hiện đúng các nội dung của Quy định này và các hoạt động phòng, chống thiên tai khác có liên quan.

b) Sử dụng kinh phí hỗ trợ đảm bảo có hiệu quả, đúng mục đích, đúng đối tượng, không để thất thoát lãng phí và xảy ra tiêu cực.

c) Lập báo cáo quyết toán và quản lý, lưu giữ hồ sơ, tài liệu theo quy định; đồng thời gửi báo cáo Cơ quan quản lý Quỹ trước ngày 28/02 năm sau.

5. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Theo chức năng, nhiệm vụ tổ chức thực hiện đúng các nội dung của Quy định này và các hoạt động phòng, chống thiên tai khác có liên quan.

b) Tổ chức thống kê, kiểm tra, đánh giá chính xác mức độ thiệt hại do thiên tai gây ra; nhu cầu cứu trợ, hỗ trợ và kết quả thực hiện, báo cáo Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Sử dụng kinh phí hỗ trợ đảm bảo có hiệu quả, đúng mục đích, đúng đối tượng, không để thất thoát lãng phí và xảy ra tiêu cực.

d) Lập báo cáo quyết toán và quản lý, lưu giữ hồ sơ, tài liệu theo quy định; đồng thời gửi báo cáo về Cơ quan quản lý Quỹ trước ngày 28/02 năm sau.

5. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Thực hiện đúng các nội dung của Quy định này và các hoạt động phòng, chống thiên tai khác có liên quan.

b) Thống kê, kiểm kê, đánh giá chính xác mức độ thiệt hại, nhu cầu hỗ trợ theo quy định và báo cáo kịp thời về UBND cấp huyện.

c) Sử dụng kinh phí hỗ trợ đảm bảo có hiệu quả, đúng mục đích, đúng đối tượng, không để thất thoát lãng phí và xảy ra tiêu cực.

d) Lập báo cáo quyết toán kết quả thu, chi Quỹ trên địa bàn, báo cáo về UBND cấp huyện trước ngày 31/01 năm sau để tổng hợp, thẩm định theo quy định.

Điều 10. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh về Cơ quan quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh (*Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*) để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

PHỤ LỤC
NỘI DUNG CHI, MỨC CHI QUỸ PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI TỈNH HÀ NAM
(Kèm theo Quy định chi tiết nội dung chi và mức chi của Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Hà Nam được ban hành tại Quyết định số /2024/QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam)

ĐVT: Đồng

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
I	Hỗ trợ các hoạt động ứng phó thiên tai			
1	Sơ tán dân khỏi nơi nguy hiểm; Chăm sóc y tế, thực phẩm, nước uống cho người dân nơi sơ tán	Đồng/người/ngày	60.000	Mức chi căn cứ tình hình thực tế tối đa không quá 300.000 đồng/người/đợt
2	Tuần tra, kiểm tra phát hiện khu vực nguy cơ xảy ra rủi ro thiên tai, sự cố công trình phòng chống thiên tai; Hỗ trợ cho lực lượng được huy động tham gia ứng phó thiên tai <i>(đối với người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước)</i>			Mức chi căn cứ theo quy định tại điều 19, Nghị định 30/2017/NĐ-CP ngày 21/3/2017 của Chính phủ quy định tổ chức, hoạt động ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn
-	Thời gian huy động từ 6 giờ sáng đến 22 giờ đêm	Đồng/người/ngày	Mức hỗ trợ bằng 0,1 lần mức lương cơ sở	
-	Thời gian huy động từ 22 giờ đêm ngày hôm trước đến 6 giờ sáng hôm sau	Đồng/người/ngày	Mức hỗ trợ bằng 0,2 lần mức lương cơ sở	
3	Tuần tra, kiểm tra phát hiện khu vực nguy cơ xảy ra rủi ro thiên tai, sự cố công trình phòng chống thiên tai; Hỗ trợ cho lực lượng được huy động tham gia ứng phó thiên tai; Hỗ trợ cho lực lượng thường trực trực ban, chỉ huy, chỉ đạo ứng phó thiên tai <i>(đối với người hưởng lương từ ngân sách nhà nước)</i>		Hưởng tiền lương làm thêm giờ theo quy định của pháp luật và theo chế độ quy định hiện hành	Mức chi căn cứ vào dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối của Quỹ

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
II	Cứu trợ, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai			
1	Cứu trợ khẩn cấp về lương thực	Người/tháng	15kg gạo	Mức chi căn cứ theo quy định tại khoản 1, điều 12, Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ, thời gian cứu trợ không quá 03 tháng cho mỗi đợt trợ giúp
2	Cứu trợ khẩn cấp về nước uống, thuốc chữa bệnh, sách vở, phương tiện học tập và các nhu cầu cấp thiết khác	đồng/người/đợt	300.000	Mức chi căn cứ tình hình thực tế tối đa không quá 300.000 đồng/người/đợt
3	Hỗ trợ tu sửa nhà ở (<i>chỉ áp dụng cho nhà ở chính</i>)			
-	Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn có nhà ở bị đổ, sập, trôi, cháy hoàn toàn do thiên tai được xem xét hỗ trợ làm nhà	đồng/hộ	40.000.000	Mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 15, Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ; ưu tiên hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn và khả năng cân đối của Quỹ.
-	Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn có nhà ở bị hư hỏng nặng do thiên tai được xem xét hỗ trợ sửa chữa nhà	đồng/hộ	20.000.000	
4	Hỗ trợ tu sửa các công trình bị thiệt hại do thiên tai, bao gồm: Cơ sở y tế, trường học, nhà kết hợp làm địa điểm sơ tán phòng tránh thiên tai; Tháo bỏ hạng mục, vật cản gây nguy cơ rủi ro thiên tai; Hỗ trợ xử lý đảm bảo giao thông thông suốt cho những tuyến giao thông đường bộ, đường sắt quan trọng trên địa bàn bị sụt trượt, sạt lở.	đồng/công trình	Tối đa không quá 200 triệu đồng trong tổng mức đầu tư 01 công trình	Mức chi căn cứ vào dự toán thiết kế được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối của Quỹ

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
5	Hỗ trợ xử lý vệ sinh môi trường vùng thiên tai	đồng/xã	10.000.000	Mức chi căn cứ tình hình thực tế tối đa không quá 10.000.000 đồng/xã và khả năng cân đối của Quỹ
6	Hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai			Mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ về cơ chế chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh.
6.1	Hỗ trợ đối với cây trồng:			
-	Diện tích lúa thuần bị thiệt hại trên 70%	đồng/ha	2.000.000	
	Diện tích lúa thuần bị thiệt hại từ 30%-70%	đồng/ha	1.000.000	
-	Diện tích mạ lúa thuần bị thiệt hại trên 70%	đồng/ha	20.000.000	
	Diện tích mạ lúa thuần bị thiệt hại từ 30% - 70%	đồng/ha	10.000.000	
-	Diện tích lúa lai bị thiệt hại trên 70%	đồng/ha	3.000.000	
	Diện tích lúa lai bị thiệt hại từ 30% - 70%	đồng/ha	1.500.000	
-	Diện tích mạ lúa lai bị thiệt hại trên 70%	đồng/ha	30.000.000	
	Diện tích mạ lúa lai bị thiệt hại từ 30% - 70%	đồng/ha	15.000.000	
-	Diện tích ngô và rau màu các loại bị thiệt hại trên 70%	đồng/ha	2.000.000	
	Diện tích ngô và rau màu các loại bị thiệt hại từ 30% - 70%	đồng/ha	1.000.000	
-	Diện tích cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm bị thiệt hại trên 70%	đồng/ha	4.000.000	
	Diện tích cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm bị thiệt hại từ 30% - 70%	đồng/ha	2.000.000	
6.2	Hỗ trợ đối với sản xuất lâm nghiệp:			

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
-	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp, vườn giống, rừng giống bị thiệt hại trên 70%	đồng/ha	4.000.000	
	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp, vườn giống, rừng giống bị thiệt hại từ 30% - 70%	đồng/ha	2.000.000	
-	Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm bị thiệt hại trên 70%	đồng/ha	40.000.000	
	Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm bị thiệt hại từ 30% - 70%	đồng/ha	20.000.000	
6.3	Hỗ trợ đối với nuôi trồng thủy sản:			
-	Diện tích nuôi cá truyền thống, các loài cá bản địa bị thiệt hại trên 70%	đồng/ha	10.000.000	
	Diện tích nuôi cá truyền thống, các loài cá bản địa bị thiệt hại từ 30% - 70%	đồng/ha	7.000.000	
-	Nuôi cá lồng, bè bị thiệt hại trên 70%	đồng/100m3 lồng	10.000.000	
	Nuôi cá lồng, bè bị thiệt hại từ 30% - 70%	đồng/100m3 lồng	7.000.000	
-	Diện tích nuôi cá rô phi đơn tính thâm canh bị thiệt hại trên 70%	đồng/ha	30.000.000	
	Diện tích nuôi cá rô phi đơn tính thâm canh bị thiệt hại từ 30% - 70%	đồng/ha	20.000.000	

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
-	Diện tích nuôi trồng các loại thủy sản khác bị thiệt hại trên 70%	đồng/ha	6.000.000	
	Diện tích nuôi trồng các loại thủy sản khác bị thiệt hại từ 30% - 70%	đồng/ha	4.000.000	
6.4	Hỗ trợ đối với nuôi gia súc, gia cầm:			
-	Gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng) đến 28 ngày tuổi	đồng/con	20.000	
	Gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng) trên 28 ngày tuổi	đồng/con	35.000	
-	Lợn đến 28 ngày tuổi	đồng/con	400.000	
	Lợn trên 28 ngày tuổi	đồng/con	1.000.000	
	Lợn nái và lợn đực đang khai thác	đồng/con	2.000.000	
-	Bò sữa trên 6 tháng tuổi	đồng/con	6.000.000	
-	Trâu, bò, ngựa đến 6 tháng tuổi	đồng/con	2.000.000	
	Trâu, bò, ngựa trên 6 tháng tuổi	đồng/con	6.000.000	
-	Hươu, nai, cừu, dê	đồng/con	2.500.000	
7	Hỗ trợ tu sửa, xử lý và xây dựng khẩn cấp công trình phòng, chống thiên tai	đồng/công trình	Tối đa không quá 03 tỷ đồng trong tổng mức đầu tư 01 công trình	Mức chi căn cứ vào dự toán thiết kế được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối của Quỹ

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
III	Hỗ trợ các hoạt động phòng ngừa thiên tai			
1	Thông tin, truyền thông và giáo dục về phòng, chống thiên tai (Xây dựng bản tin, phóng sự, tờ rơi, pano, áp phích, đĩa... tuyên truyền về phòng, chống thiên tai trên các phương tiện thông tin đại chúng, tại các nơi công cộng)	đồng/năm	Theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối của Quỹ	Thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27/01/2014 của liên Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp và các văn bản quy định của pháp luật hiện hành có liên quan
2	Lập, rà soát kế hoạch phòng, chống thiên tai và phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai	đồng/kế hoạch, phương án	Theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối của Quỹ	
3	Hỗ trợ sắp xếp, di chuyển dân cư ra khỏi vùng thiên tai, nguy hiểm	đồng/hộ	30.000.000	Thực hiện theo quy định tại Điều 15, Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ áp dụng đối với hộ phải di dời nhà ở khẩn cấp theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền do nguy cơ sạt lở, lũ, lụt, thiên tai và khả năng cân đối của Quỹ.
4	Phổ biến, tuyên truyền, giáo dục, tổ chức tập huấn, nâng cao nhận thức cho các lực lượng tham gia công tác phòng, chống thiên tai các cấp ở địa phương và cộng đồng	đồng/năm	Theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối của Quỹ	Thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27/01/2014 của liên Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp và quy định tại Nghị quyết 05/2017/NQ-HĐND ngày 17/7/2017 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Hà Nam và các văn bản quy định của pháp luật hiện hành liên quan; dự toán hàng năm được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, các văn bản khác có liên quan và khả năng cân đối của Quỹ.

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
5	Tổ chức diễn tập phòng, chống thiên tai ở các cấp	đồng/năm	Theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối của Quỹ	
6	Mua bảo hiểm rủi ro thiên tai cho đối tượng tham gia lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã	đồng/người	Theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối của Quỹ	
7	Tập huấn và duy trì hoạt động cho các đối tượng tham gia hộ đê, lực lượng quản lý đê nhân dân, lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã, tình nguyện viên phòng, chống thiên tai	đồng/năm	Theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối của Quỹ	Thực hiện theo quy định tại mục 7, Chương II, Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ; Thông tư số 26/2009/TT-BNN ngày 11/5/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các văn bản quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.
8	Hỗ trợ xây dựng công cụ, phần mềm, quan trắc, thông tin dự báo, cảnh báo thiên tai tại cộng đồng	đồng	Theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối của Quỹ	
9	Mua sắm, đầu tư phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác phòng, chống thiên tai theo quy định	đồng	Theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối của Quỹ	